

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ GIÁO
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2018/HNGĐ-ST
Ngày 19 - 9 - 2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Kim Oanh;

Ông Phạm Xuân Hào.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mùi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở TAND huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 231/2018/TLST-HNGĐ ngày 31/5/2018 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/8/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1985; Thường trú: Tổ 3, ấp B L, xã P H, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Đình C, sinh năm 1985; Thường trú: Tổ 3, ấp B L, xã P H, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, các buổi hoà giải bà Nguyễn Thị H trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Đình C sống chung vợ chồng từ năm 2007, việc sống chung là hoàn toàn tự nguyện không ai ép buộc, hai bên có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại UBND xã S B, huyện C Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ngày 08/11/2007. Trong thời gian chung

sống lúc đầu thì có hạnh phúc nhưng sau đó thì không hạnh phúc nữa, nguyên nhân phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau các vấn đề trong cuộc sống. Bà đã nhiều lần hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được, hiện tại hai người đã sống ly thân, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nay bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Đình C.

- Về con chung: Ông bà có 02 con chung, bà yêu cầu được nuôi con chung Nguyễn Phương L, sinh ngày 02/01/2013, nhường quyền nuôi con chung Nguyễn Đình Khánh D, sinh ngày 17/6/2008 cho ông C nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

- Về tài sản chung: Ông bà có một căn nhà cấp 4 xây trên diện tích đất 460m² thuộc thửa 544, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại ấp 1B xã P H, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương; 01 xe ô tô biển số 72A-16704; 01 xe mô tô biển số 61F1-04994; 01 xe mô tô biển số 61H8-2868. Bà đã có đơn rút yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng, ông bà tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hoà giải bị đơn ông Nguyễn Đình C trình bày:

- Về hôn nhân: Ông và bà H sống chung vợ chồng từ năm 2007, việc sống chung là hoàn toàn tự nguyện không ai ép buộc, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại UBND xã S B, huyện C Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ngày 08/11/2007. Ông bà phát sinh mâu thuẫn do tháng 11 năm 2017 ông phát hiện bà H thay đổi tình cảm, không chung thủy trong tình cảm vợ chồng nên thường xuyên cãi nhau. Hiện tại, ông bà đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Ông đồng ý ly hôn với bà H nhưng do ông theo Đạo Thiên chúa nên không ký biên bản thuận tình ly hôn với bà H.

- Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Phương L, sinh ngày 02/01/2013 và Nguyễn Đình Khánh D, sinh ngày 17/6/2008. Ông xin được quyền nuôi con chung Nguyễn Đình Khánh D, nhường quyền nuôi con chung Nguyễn Phương L cho bà Nguyễn Thị H nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông bà tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng, của những người tiến hành tố tụng: Những người tiến hành tố tụng như Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án, những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Bà H và ông C chung sống với nhau có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp, do có mâu thuẫn vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đã sống ly thân và hiện không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, nguyên đơn yêu cầu được ly hôn, bị đơn đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, đề nghị HĐXX công nhận thuận tình ly hôn của nguyên đơn và bị đơn.

Về con chung: Ông bà có 02 người con chung tên là Nguyễn Phương L, sinh ngày 02/01/2013 và Nguyễn Đình Khánh D, sinh ngày 17/6/2008. Xét điều kiện về nuôi con, sự thỏa thuận của các bên về nuôi con sau ly hôn đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung Nguyễn Phương L cho nguyên đơn nuôi dưỡng, giao con chung Nguyễn Đình Khánh D cho bị đơn nuôi dưỡng và ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; sau khi Kiểm sát viên phát biểu về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của đương sự, về nội dung vụ án; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn tại phiên tòa: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, bị đơn ông Nguyễn Đình C có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khi thụ lý vụ án bị đơn cư trú tại: xã P H, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Đình C chung sống với nhau từ năm 2007, việc chung sống với nhau trên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã S B, huyện C Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ngày 08/11/2007, quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông C là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Trong quá trình chung sống nguyên đơn trình bày nguyên đơn và bị đơn có mâu thuẫn xảy ra do không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau, hiện đã ly thân và không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Tình cảm vợ chồng đã không còn, mâu thuẫn không hàn gắn được nên nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với bị đơn. Bị đơn trình bày vợ chồng xảy ra mâu thuẫn vì do ông bà không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau, nay nguyên đơn xin ly hôn bị đơn đồng ý nhưng vì bị đơn theo Đạo Thiên chúa nên không ký biên bản thuận tình ly hôn với nguyên đơn.

Tại biên bản xác minh ngày 20/6/2018 được chính quyền địa phương xác nhận: Nguyên đơn và bị đơn có mâu thuẫn vợ chồng do thường xuyên cãi nhau điều này cũng phù hợp với lời khai của nguyên đơn và bị đơn, hiện tại hai người không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc xin ly hôn của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, bị đơn đồng ý ly hôn với nguyên đơn nên HĐXX công nhận thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn và bị đơn.

[4] Về con chung: Căn cứ vào lời khai nhận của đương sự, bản sao giấy khai sinh, xác định nguyên đơn và bị đơn có với nhau 02 con chung tên là Nguyễn Phương L, sinh ngày 02/01/2013 và Nguyễn Đình Khánh D, sinh ngày 17/6/2008. Hội đồng xét xử xét các điều kiện về nuôi con, sự ổn định tâm lý của trẻ, điều kiện đảm bảo cho trẻ nhỏ được phát triển bình thường về thể chất, tinh thần và trí tuệ nên giao con chung Nguyễn Phương L cho nguyên đơn nuôi dưỡng, giao con chung Nguyễn Đình Khánh D cho bị đơn nuôi dưỡng. Điều này cùng phù hợp với sự thoả thuận của đương sự và nguyện vọng của con chung Nguyễn Đình Khánh D. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung: Tại đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu giải quyết chia tài sản chung là căn nhà cấp 4 và tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 10/7/2018 nguyên đơn yêu cầu chia 01 xe ô tô biển số 72A-16704; 01 xe mô tô biển số 61F1-04994; 01 xe mô tô biển số 61H8-2868 nhưng ngày 31/7/2018 nguyên đơn có đơn rút yêu cầu giải quyết đối với tài sản chung, bị đơn không có đơn yêu cầu phản tố. Việc rút yêu cầu chia tài sản chung của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của bà H và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản chung của bà H và ông C. Khi các đương sự có yêu cầu sẽ giải quyết việc chia tài sản chung bằng vụ án khác.

[6] Về nợ chung: Đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Xét đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát về nội dung vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 2 Điều 244, các Điều 227, 228, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 9, 51, 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H đối với bị đơn ông Nguyễn Đình C.

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị H đối với bị đơn ông Nguyễn Đình C.

2. Về con chung: Giao con Nguyễn Phương L, sinh ngày 02/01/2013 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Nguyễn Đình Khánh D, sinh ngày 17/6/2008 cho ông Nguyễn Đình C trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Đình C không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con.

Bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Đình C có quyền và nghĩa vụ qua lại thăm con không ai được cản trở.

Vì quyền lợi hợp pháp, chính đáng của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi đương sự có yêu cầu phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị H với bị đơn ông Nguyễn Đình C.

4. Về nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0007412, ngày 30 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0007412, ngày 30 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương và số tiền 6.250.000đ (Sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0007537, ngày 11 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo;
- UBND xã S B, huyện C Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (số 95 ngày 08/11/2007);
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hiên